

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 177/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2020

*V/v Không công nhận vợ chồng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp;

Ông Phạm Văn Mười.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:**  
Ông Châu Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc “V/v Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 676/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *N đơn:* Chị Tô Kiều H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau;  
(có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Thái N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số B, đường HV, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tô Hoàng Q, sinh năm 1952; (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau;

3. Anh Nguyễn Văn C; (vắng mặt)

4. Chị Tô Triệu P. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Số B, đường HV, khóm V, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, N đơn chị Tô Kiều H trình bày:*

- Hôn nhân: Chị và anh Lê Thái N xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống vào năm 2013, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh N đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay, tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Thái N.

- Con chung: Chị H xác định chị và anh N không có con chung.

- Tài sản chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị H xác định quá trình chung sống vợ chồng có nợ ông Tô Hoàng Q và bà Nguyễn Thị Y số tiền 81.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k; nợ anh Nguyễn Văn C và chị Tô Triệu P số tiền 300.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ này chị yêu cầu để chị, anh N với ông Q, bà Y, anh C, chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

\* *Tại bản tự khai, Biên bản ghi ý kiến ông Tô Hoàng Q và bà Nguyễn Thị Y trình bày:* Vào năm 2015, ông, bà cho anh N và chị H vay tiền, vàng nhiều lần tổng số tiền 81.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k việc vay tài sản không lập hợp đồng, thỏa thuận không tính lãi. Đến nay chị H và anh N vẫn chưa thanh toán khoản nợ này cho ông, bà. Nay chị H và anh N ly hôn, ông, bà không yêu cầu giải quyết về khoản nợ trên trong vụ án này, để các bên tự thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án.

*Tại Biên bản ghi ý kiến của anh Nguyễn Văn C và chị Tô Triệu P thể hiện:* Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng mà anh N và chị H nợ anh C, chị P thì anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, để các bên tự thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thái N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho anh N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Tô Kiều H và anh Lê Thái N là vợ chồng; Về con chung: không có; Tài sản chung: không có; Nợ chung: Chị H và anh N thỏa thuận với ông Q, bà Y, anh C, chị P, không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Án phí dân sự về hôn nhân gia đình chị Tô Kiều H phải nộp theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật được xác định là không công nhận vợ chồng.

Anh Lê Thái N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; Ông Tô Hoàng Q, bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn C, chị Tô Triệu P có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Lê Thái N, ông Tô Hoàng Q, bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn C, chị Tô Triệu P.

[2] Hôn nhân: Chị Tô Kiều H và anh Lê Thái N chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh N. Căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận chị Tô Kiều H và Lê Thái N là vợ chồng.

[3] Con chung: Chị H xác định không có.

[4] Tài sản chung: Chị H xác định không có. Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Tô Kiều H phải nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận chị Tô Kiều H và anh Lê Thái N là vợ chồng.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Tô Kiều H phải nộp 300.000 đồng. Ngày 20/5/2020 chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0001858 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**